

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐOÀN THỰC TẬP SỐ 4**

Các tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh,  
Tuyên Quang, Hà Giang, Thái Nguyên.

(Thực tập từ ngày 21/5/2018 đến ngày 24/6/2018)

| STT | HỌ VÀ TÊN             | MÃ SV  | ĐỊA PHƯƠNG<br>SV THỰC TẬP | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------|--------|---------------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Thị Quỳnh      | 400819 | Quảng Ninh                |         |
| 2   | Trần Thanh Tùng       | 402013 | Quảng Ninh                |         |
| 3   | Ngô Thị Linh Huyền    | 401734 | Quảng Ninh                |         |
| 4   | Lê Thùy Dương         | 401529 | Quảng Ninh                |         |
| 5   | Bùi Công Bình         | 403621 | Quảng Ninh                |         |
| 6   | Nguyễn Anh Vinh       | 402511 | Quảng Ninh                |         |
| 7   | Hà Thị Hằng           | 401050 | Quảng Ninh                |         |
| 8   | Nguyễn Thị Hạnh Thu   | 402435 | Quảng Ninh                |         |
| 9   | Nguyễn Mạnh Chiến     | 400908 | Quảng Ninh                |         |
| 10  | Nguyễn Thị Anh Thư    | 401846 | Hải Phòng                 |         |
| 11  | Hoàng Thị Phương      | 401944 | Hải Phòng                 |         |
| 12  | Nguyễn Quốc Huy Khanh | 403107 | Hải Phòng                 |         |
| 13  | Nguyễn Thị Hà An      | 403454 | Hải Phòng                 |         |
| 14  | Chui Thị Thúy Vân     | 392927 | Hưng Yên                  |         |
| 15  | Hồ Thị Quỳnh Anh      | 403120 | Hưng Yên                  |         |
| 16  | Vương Thị Minh Hòa    | 402627 | Hưng Yên                  |         |
| 17  | Trần Lan Hương        | 401555 | Hưng Yên                  |         |
| 18  | Phan Thị Thúy Quỳnh   | 403937 | Hưng Yên                  |         |
| 19  | Hoàng Thị Hoa         | 402559 | Hải Dương                 |         |
| 20  | Hoàng Thị Ánh Nguyệt  | 402546 | Hải Dương                 |         |
| 21  | Hoàng Bích Ngọc       | 402503 | Hải Dương                 |         |
| 22  | Tiêu Thị Thu Trang    | 400915 | Hải Dương                 |         |
| 23  | Đào Thị Hồng Nhung    | 403427 | Hải Dương                 |         |

|    |                         |        |           |  |
|----|-------------------------|--------|-----------|--|
| 24 | Phạm Linh Ngọc          | 402615 | Hải Dương |  |
| 25 | Phạm Khánh Linh         | 400822 | Hải Dương |  |
| 26 | Phạm Thị Nga            | 402552 | Hải Dương |  |
| 27 | Nguyễn Thị Khánh Phương | 402609 | Hải Dương |  |
| 28 | Vũ Thị Khánh Linh       | 403609 | Hải Dương |  |
| 29 | Đặng Thị Minh Ngọc      | 402365 | Hải Dương |  |
| 30 | Hà Huy Quyền            | 401617 | Hải Dương |  |
| 31 | Lê Thị Duyên            | 403162 | Hải Dương |  |
| 32 | Nguyễn Hữu Đạt          | 403614 | Hải Dương |  |
| 33 | Hoàng Thị Hà Trang      | 392566 | Lạng Sơn  |  |
| 34 | Hoàng Thị Thanh         | 393133 | Lạng Sơn  |  |
| 35 | Hoàng Thục Trinh        | 401070 | Lạng Sơn  |  |
| 36 | Hoàng Thị Duyên         | 402556 | Lạng Sơn  |  |
| 37 | Hoàng Thị Liên          | 400971 | Lạng Sơn  |  |
| 38 | Đặng Thị Múi            | 401452 | Lạng Sơn  |  |
| 39 | Trần Hải Ly             | 400905 | Lạng Sơn  |  |
| 40 | Vương Thị Hiền          | 400103 | Lạng Sơn  |  |
| 41 | Lã Thị Trang            | 403533 | Lạng Sơn  |  |
| 42 | Hà Thị Diệu Linh        | 403618 | Lạng Sơn  |  |
| 43 | Trịnh Tổ Quyên          | 400430 | Lạng Sơn  |  |
| 44 | Hoàng Thị Linh Chi      | 401254 | Lạng Sơn  |  |
| 45 | Hoàng Thị Trà My        | 403645 | Lạng Sơn  |  |
| 46 | Nguyễn Thị Tuyết Mai    | 401832 | Lạng Sơn  |  |
| 47 | Hoàng Ngọc Chi          | 402827 | Lạng Sơn  |  |
| 48 | Tổng Thị Hồng Yến       | 400311 | Bắc Giang |  |
| 49 | Nguyễn Thị Vân Anh      | 403150 | Bắc Giang |  |
| 50 | Hà Thị Trang            | 403152 | Bắc Giang |  |
| 51 | Hà Quý Đôn              | 403111 | Bắc Giang |  |
| 52 | Lê Ngọc Linh            | 402602 | Bắc Giang |  |
| 53 | Tổng Thị Hương Giang    | 402644 | Bắc Giang |  |
| 54 | Vi Thị Thảo Ly          | 401172 | Bắc Giang |  |

|      |                       |        |             |  |
|------|-----------------------|--------|-------------|--|
| 55   | Nguyễn Thị Hiền       | 402436 | Bắc Giang   |  |
| 56   | Nguyễn Thị Kim Tuyến  | 403112 | Bắc Giang   |  |
| 57   | Chu Thùy Dương        | 403428 | Bắc Giang   |  |
| 58   | Nguyễn Văn Chính      | 403438 | Bắc Ninh    |  |
| 59   | Nguyễn Thị Thu        | 401139 | Bắc Ninh    |  |
| 6061 | Phạm Trường Giang     | 400409 | Bắc Ninh    |  |
| 62   | Nguyễn Thủy Tiên      | 403459 | Bắc Ninh    |  |
| 63   | Nguyễn Thị Thủy       | 403608 | Bắc Ninh    |  |
| 64   | Nguyễn Đình Bình Bắc  | 402626 | Bắc Ninh    |  |
| 65   | Nguyễn Văn Thanh      | 401030 | Bắc Ninh    |  |
| 66   | Tạ Thị Hồng Hải       | 403256 | Thái Nguyên |  |
| 67   | Nguyễn Hồng Nhung     | 403661 | Thái Nguyên |  |
| 68   | Trần Nhật Tân         | 400815 | Thái Nguyên |  |
| 69   | Lăng Thị Hoa          | 401530 | Thái Nguyên |  |
| 70   | Nguyễn Thùy Dung      | 402767 | Thái Nguyên |  |
| 71   | Phạm Hồng Nhung       | 400646 | Thái Nguyên |  |
| 72   | Hoàng Việt Cường      | 401855 | Thái Nguyên |  |
| 73   | Hoàng Thị Thúy Kiều   | 403362 | Thái Nguyên |  |
| 74   | Nguyễn Như Quỳnh      | 402756 | Thái Nguyên |  |
| 75   | Đào Thái Phương       | 401567 | Thái Nguyên |  |
| 76   | Nguyễn Lê Thủy Tiên   | 403109 | Tuyên Quang |  |
| 77   | Bàn Văn Quang         | 400871 | Tuyên Quang |  |
| 78   | Ma Thị Tuyết Nhung    | 403647 | Tuyên Quang |  |
| 79   | Lê Hồng Thắm          | 402814 | Tuyên Quang |  |
| 80   | Nguyễn Thị Thảo Duyên | 403354 | Tuyên Quang |  |
| 81   | Nguyễn Thảo Ly        | 403612 | Tuyên Quang |  |
| 82   | Hà Thanh Thanh        | 401065 | Tuyên Quang |  |
| 83   | Khuất Huyền Giáng     | 403640 | Tuyên Quang |  |
| 84   | Ma Bá Lưu             | 400768 | Tuyên Quang |  |
| 85   | Bàn Thị Nga           | 400767 | Tuyên Quang |  |
| 86   | Hoàng Thu Trang       | 402861 | Tuyên Quang |  |

|                                |                   |        |             |  |
|--------------------------------|-------------------|--------|-------------|--|
| 87                             | Hoàng Thị Mai     | 402362 | Tuyên Quang |  |
| 88                             | Hoàng Châu Bình   | 403343 | Tuyên Quang |  |
| 89                             | Chu Quốc Toàn     | 401037 | Hà Giang    |  |
| 90                             | Hoàng Hồng Hạnh   | 401862 | Hà Giang    |  |
| 91                             | Lý Thị Lan        | 4004   | Hà Giang    |  |
| 92                             | Đỗ Thùy Linh      | 402219 | Hà Giang    |  |
| 93                             | Hoàng Thị Thúy Vi | 400834 | Hà Giang    |  |
| 94                             | Quách Thị Ngân    | 390168 | Hà Giang    |  |
| <i>Danh sách: 94 sinh viên</i> |                   |        |             |  |

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**Lê Đình Nghị**